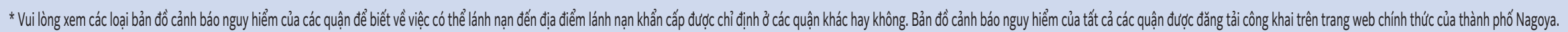


Cơ quan hành chính nhà nước và địa phương (Đóng dấu □)

- A** Tòa thị chính quận Nishi
- B** Tòa thị chính quận Nishi, chi nhánh Yamada
- C** Trạm cứu hỏa Nishi
- D** Trạm cứu hỏa Nishi, văn phòng chi nhánh Shikiri
- E** Trạm cứu hỏa Nishi, văn phòng chi nhánh Yamada
- F** Trạm cứu hỏa Nishi, văn phòng chi nhánh Onogi
- G** Đội cứu hỏa đặc biệt Quân đoàn 2
- H** Văn phòng công trình công cộng Nishi
- I** Trạm dịch vụ Nishi, Cục hệ



| Số | Tên cơ sở (Đóng dấu □)                             | Vị trí                    | Bưu điện gần nhất và hướng đi đến<br>Lũ lụt, ngập nước | Số | Tên cơ sở (Đóng dấu □)                | Vị trí               | Bưu điện gần nhất và hướng đi đến<br>Lũ lụt, ngập nước |
|----|----------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------|----|---------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------|
| 1  | Trường tiểu học Nagono cũ                          | 2-14-1 Nagono             | Từ tầng 2 trở lên                                      | 25 | Trung tâm cộng đồng Kodama            | 2-4-14 Kodama        | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 2  | Trung tâm cộng đồng Nagono                         | 2-15-25 Nagono            | Từ tầng 2 trở lên                                      | 26 | Trường tiểu học Kaminagoya            | 3-4-18 Kaminagoya    | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 3  | Trường mẫu giáo Daisan                             | 2-15-1 Nagono             | Từ tầng 2 trở lên                                      | 27 | Trung tâm cộng đồng Kaminagoya        | 2-23-22 Kaminagoya   | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 4  | Trường tiểu học Nagoya                             | 1-7-17 Habashita          | Từ tầng 2 trở lên                                      | 28 | Trung tâm học tập suốt đời Nishi      | 1-1-45 Joshin        | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 5  | Trường trung học cơ sở Kikui                       | 1-6-33 Shimmichi          | Từ tầng 2 trở lên                                      | 29 | Trường tiểu học Shonai                | 2-5-1 Shimpukuji-cho | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 6  | Trung tâm cộng đồng Habashita                      | 1-9-30 Habashita          | Từ tầng 2 trở lên                                      | 30 | Trường trung học cơ sở Nazuka         | 2-1-2 Shimpukuji-cho | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 7  | Trường tiểu học Enishi cũ                          | 2-12-32 Kikui             | Từ tầng 2 trở lên                                      | 31 | Trung tâm cộng đồng Shonai            | 1-24-2 Torimi-cho    | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 8  | Trung tâm cộng đồng Enishi                         | 2-23-3 Kikui              | Từ tầng 2 trở lên                                      | 32 | Trường tiểu học Ino                   | 2-84 Konomi-cho      | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 9  | Trường tiểu học Josai                              | 3-14-25 Josai             | Từ tầng 2 trở lên                                      | 33 | Trung tâm cộng đồng Ino               | 5-40 Mataho-cho      | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 10 | Trung tâm cộng đồng Josai                          | 4-2-21 Josai              | Từ tầng 2 trở lên                                      | 34 | Trường tiểu học Yamada                | 381-1 Yasuji-cho     | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 11 | Trường tiểu học Enoki                              | 1-12-25 Oshikiri          | Từ tầng 2 trở lên                                      | 35 | Trường trung học cơ sở Yamada         | 363-1 Yasuji-cho     | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 12 | Trường trung học cơ sở Tenjinyama                  | 4-12 Tenjinyama-cho       | Từ tầng 2 trở lên                                      | 36 | Trường trung học phổ thông Yamada     | 19-1 Futakata-cho    | Từ tầng 3 trở lên                                      |
| 13 | Trường trung học phổ thông Nagoya Nishi tỉnh Aichi | 4-7 Tenjinyama-cho        | Từ tầng 2 trở lên                                      | 37 | Trường tiểu học Hirata                | 88 Nishihara-cho     | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 14 | Trung tâm cộng đồng Enoki                          | 2-8-18 Sengen             | Từ tầng 2 trở lên                                      | 38 | Trường trung học cơ sở Hirata         | 1-1 Yamaki           | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 15 | Trường tiểu học Minami Oshikiri                    | 2-14-3 Noritake-shimmachi | Từ tầng 2 trở lên                                      | 39 | Trường tiểu học Hira                  | 2-175 Hira           | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 16 | Trường tiểu học Sako                               | 1-27-26 Sako              | Từ tầng 2 trở lên                                      | 40 | Trung tâm cộng đồng Hira              | 3-154 Hira           | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 17 | Trung tâm cộng đồng Sako                           | 2-13-4 Sako               | Từ tầng 2 trở lên                                      | 41 | Trường tiểu học Onogi                 | 3-17 Onogi           | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 18 | Trung tâm văn hóa Nishi thành phố Nagoya           | 1-3-20 Sako               | Từ tầng 2 trở lên                                      | 42 | Trường trung học cơ sở Yamada Higashi | 10 Hochi-cho         | Từ tầng 3 trở lên                                      |
| 19 | Trường tiểu học Biwajima                           | 3-16-33 Biwajima          | Từ tầng 3 trở lên                                      | 43 | Trung tâm cộng đồng Onogi             | 4-181 Onogi          | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 20 | Trung tâm cộng đồng Biwajima                       | 5-11-15 Biwajima          | Từ tầng 2 trở lên                                      | 44 | Trường tiểu học Ukino                 | 98 Ukino-cho         | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 21 | Trung tâm thể thao Biwajima                        | 1-1-2 Biwajima            | Từ tầng 2 trở lên                                      | 45 | Trung tâm cộng đồng Ukino             | 97-93 Ukino-cho      | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 22 | Trường tiểu học Kodama                             | 2-3-33 Kodama             | Từ tầng 2 trở lên                                      | 46 | Trung tâm khu vực Yamada Nishi        | 173 Nagasaki-cho     | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 23 | Trường trung học cơ sở Joshin                      | 1-15-12 Kodama            | Từ tầng 2 trở lên                                      | 47 | Trường tiểu học Hira Nishi            | 347 Tamaike-cho      | Từ tầng 2 trở lên                                      |
| 24 | Trường trung học phổ thông Seiryō                  | 2-20-65 Kodama            | Từ tầng 2 trở lên                                      | 48 | Trường tiểu học Nakaotai              | 2-189 Nakaotai       | Từ tầng 3 trở lên                                      |

Bản đồ này sử dụng bản đồ cơ sở quy hoạch thành phố được tạo vào năm 2015 và 2016. Ngoài ra, chúng tôi sẽ chỉnh sửa tình trạng sau khi tạo nếu cần.